

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á

Ngày 30/09/2025	3,990 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.7%	21.3%	15.7%

DT thuần Q3/25
11.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10 -15.5%
YoY: ▼9.50 -45.3%

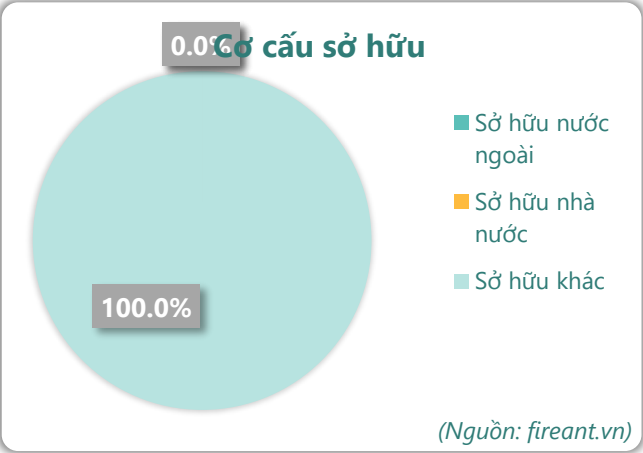
LN thuần Q3/25
-0.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.15 -104%
YoY: ▼1.25 -110%

LN sau thuế Q3/25
-2.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.21 -125%
YoY: ▼2.30 -1916%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
9.7%
YoY: +/-▼ 8.2%

ROE (TTM) Q3/25
0.3%
YoY: +/-▼ 0.2%

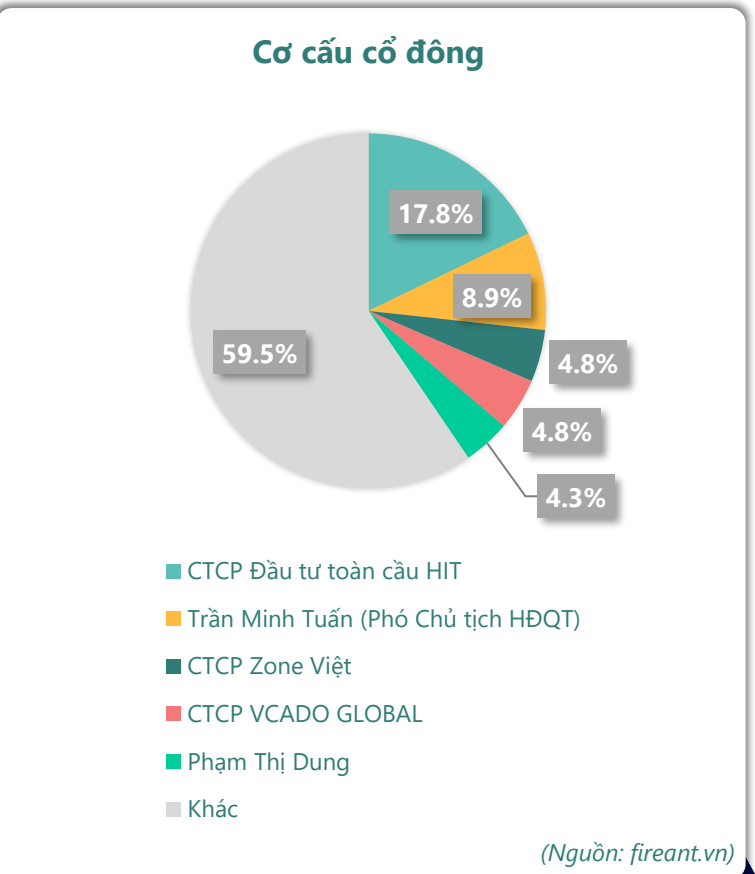
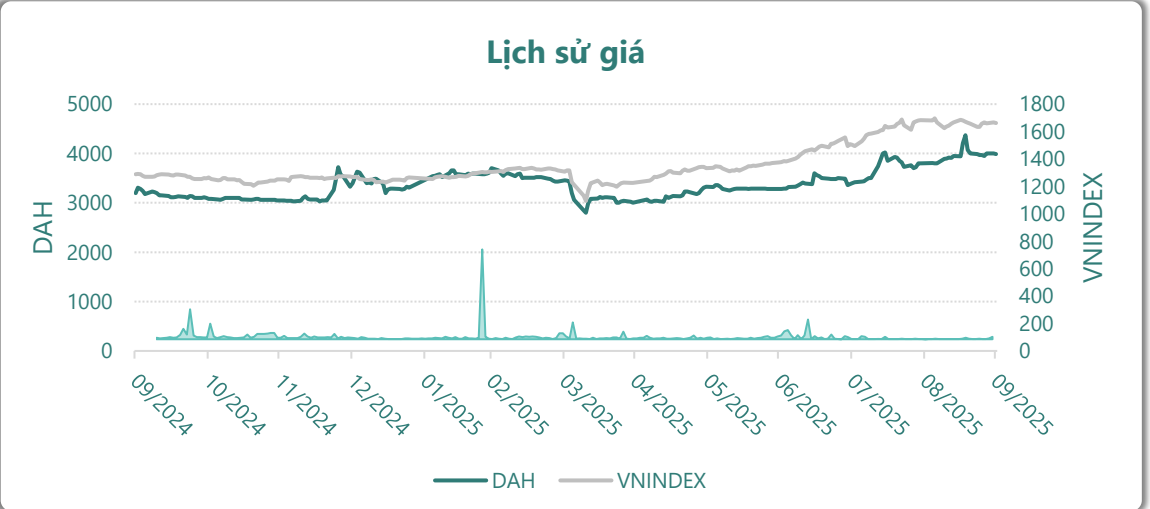
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,800 - 4,370
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	336
Số lượng CPLH (CP)	84,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	783,115
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.66
EPS	37
P/E	107.8



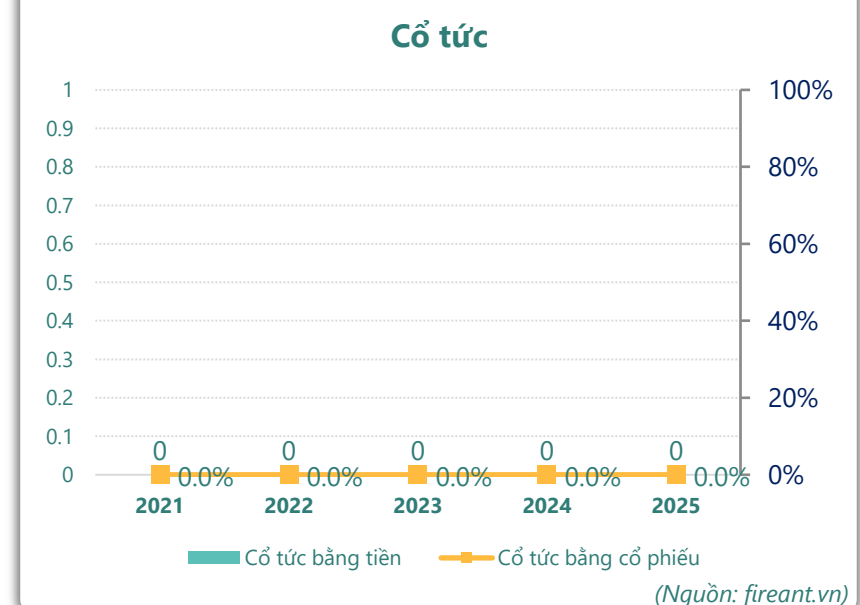
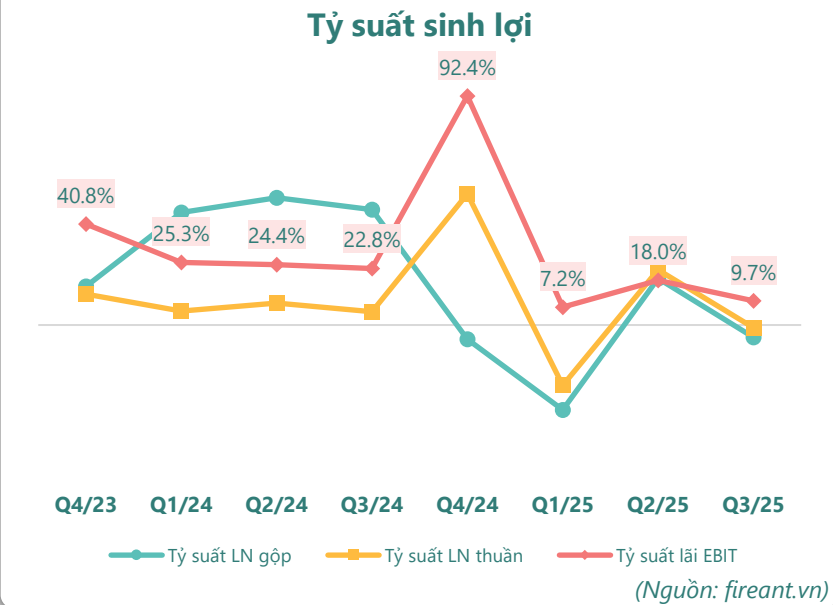
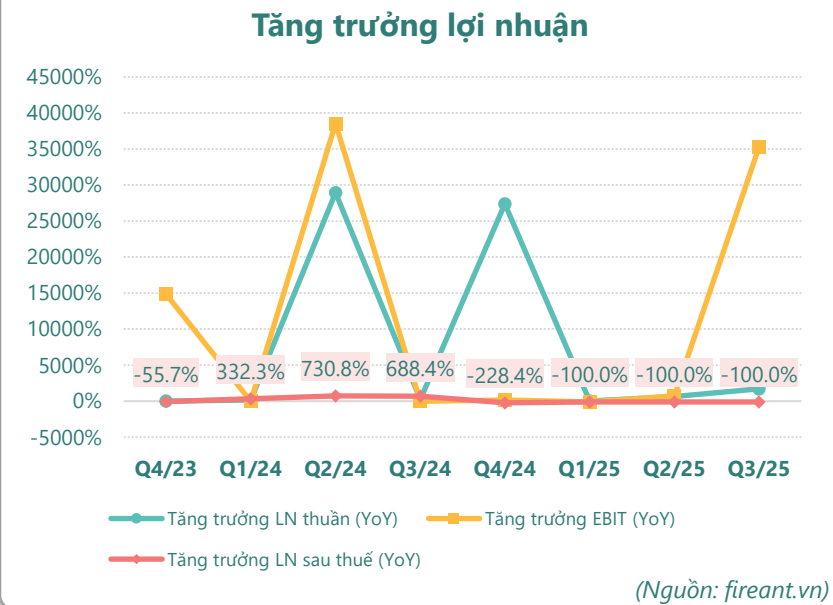
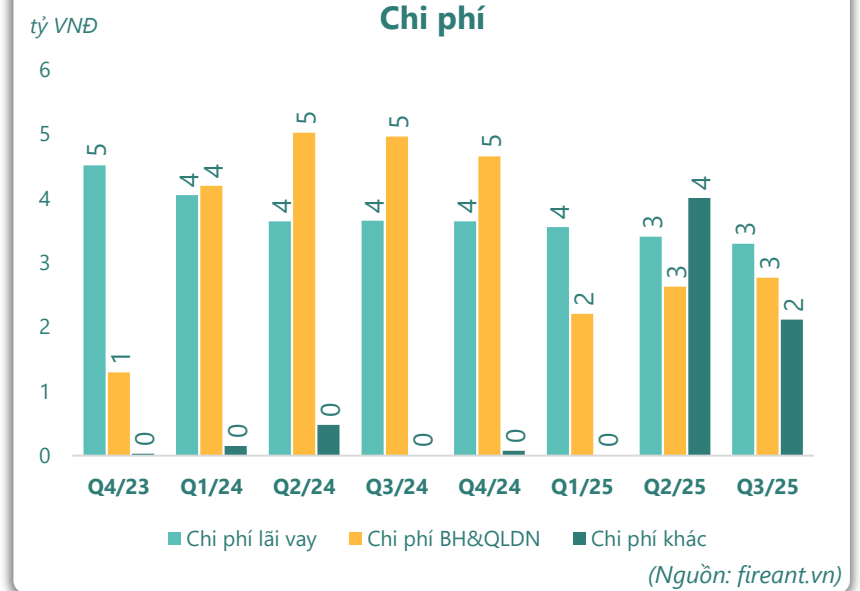
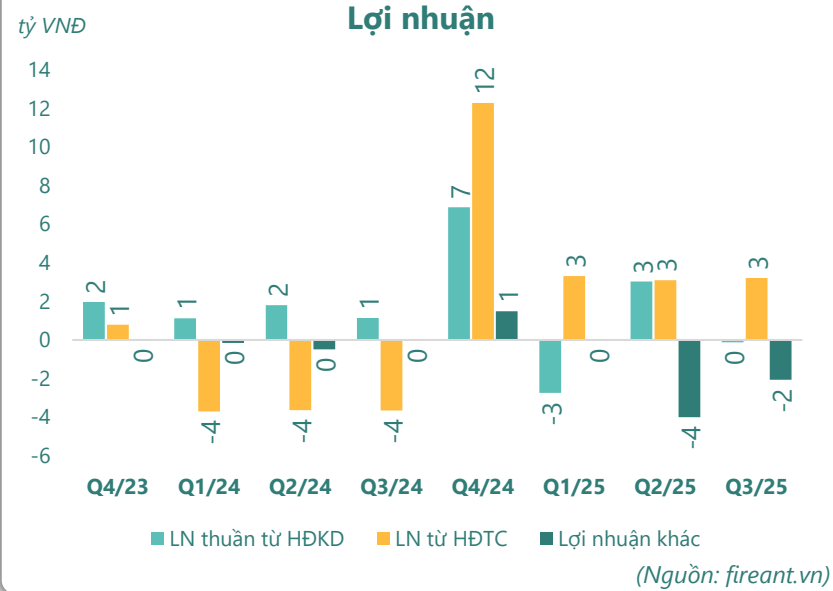
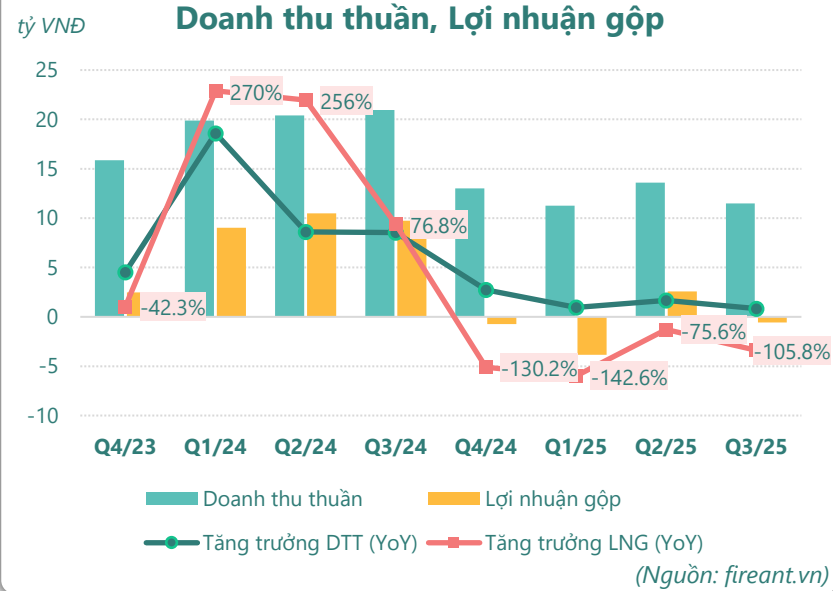
DT thuần 9T 2025
36.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0 -40.7%

LN thuần 9T 2025
0.17
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.90 -95.7%

LN sau thuế 9T 2025
-5.89
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.19 -2048%



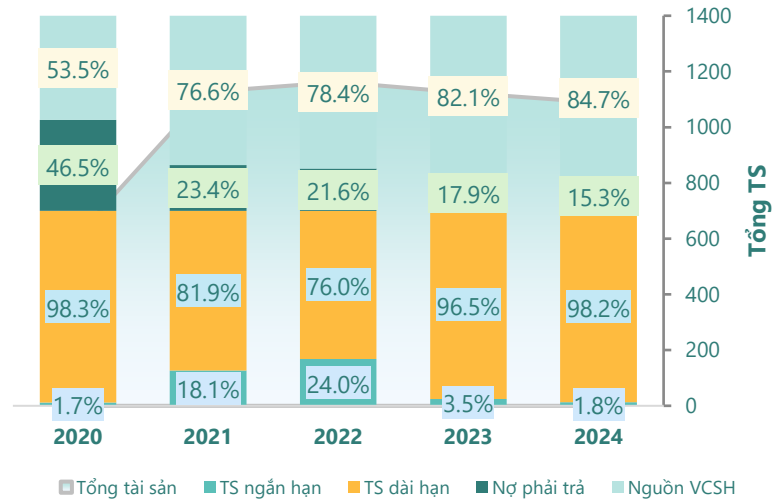
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

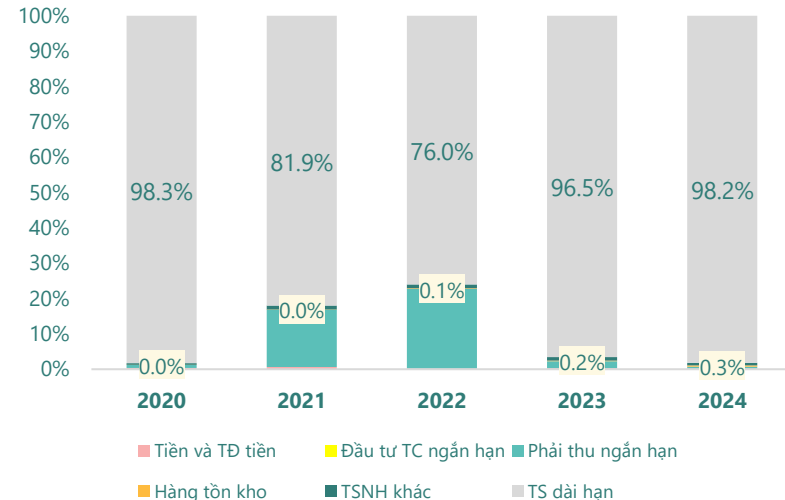
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

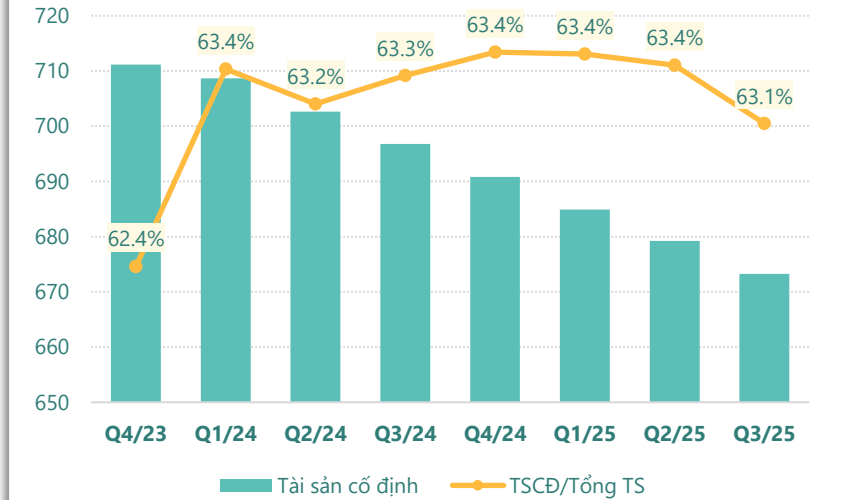
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

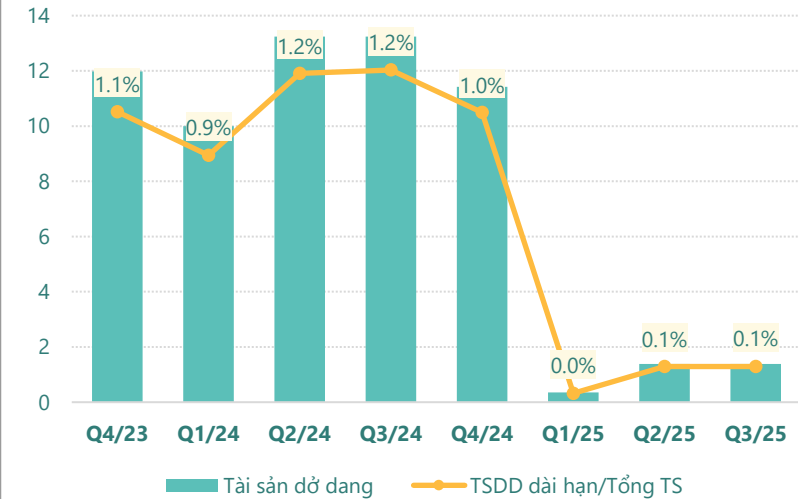
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

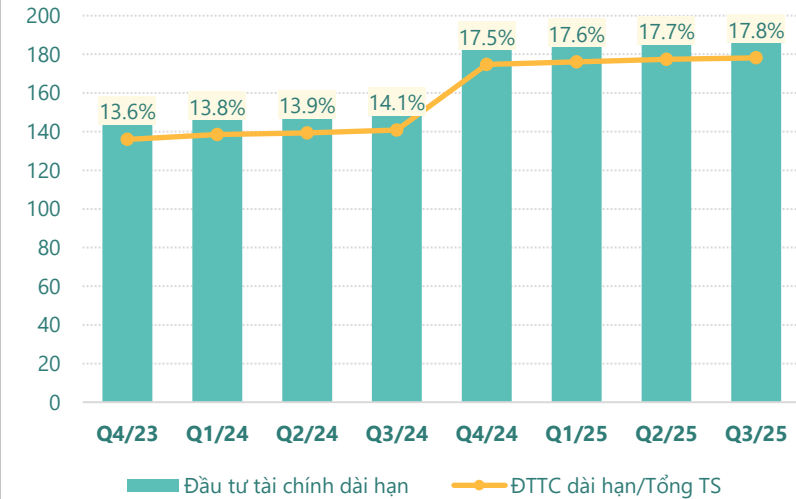
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

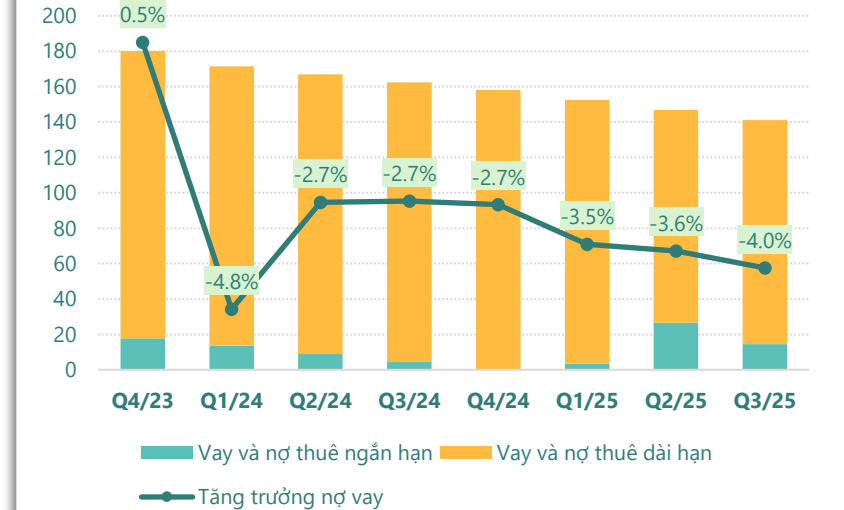
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

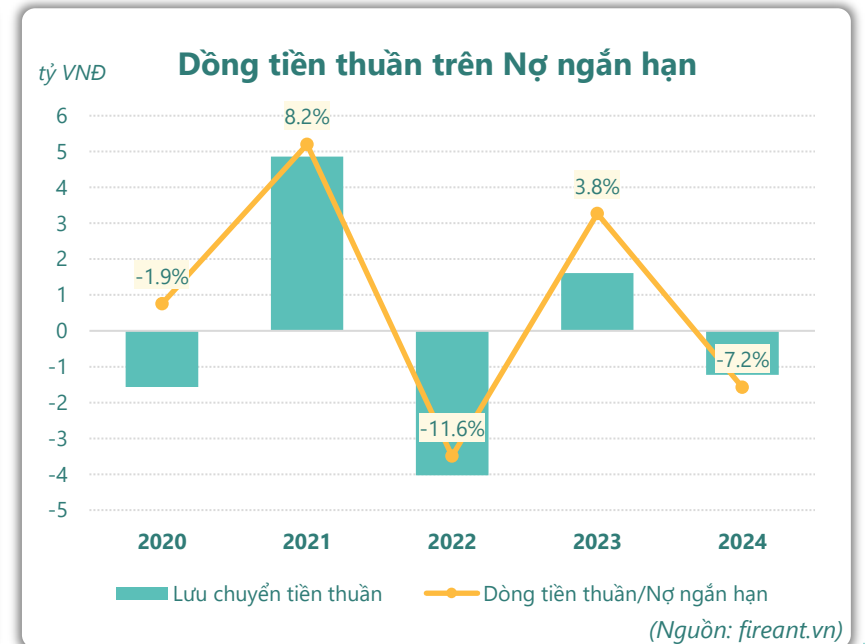
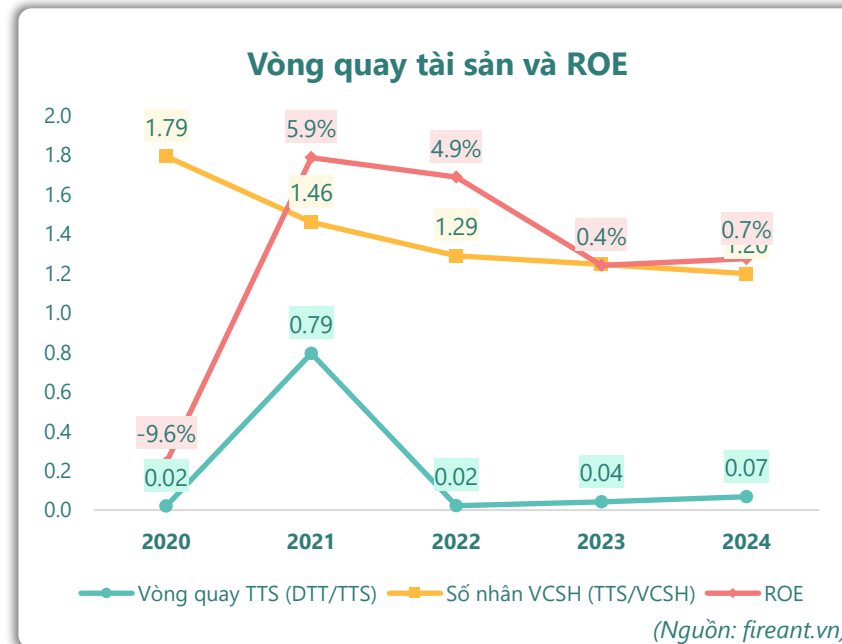
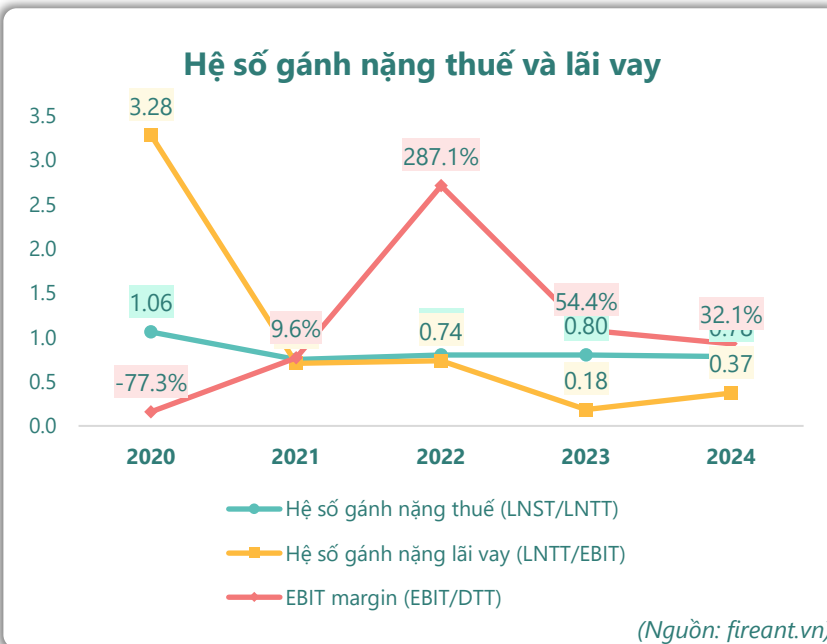
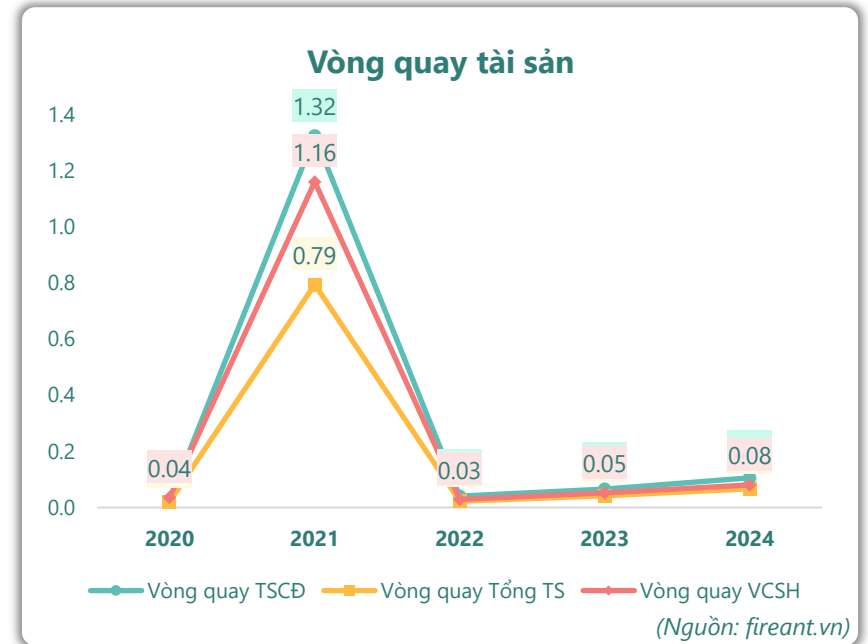
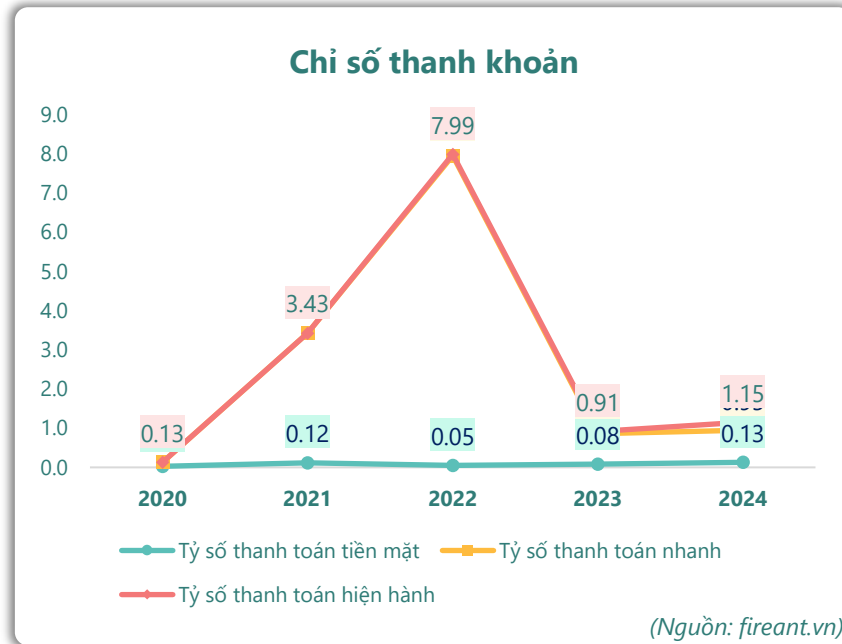
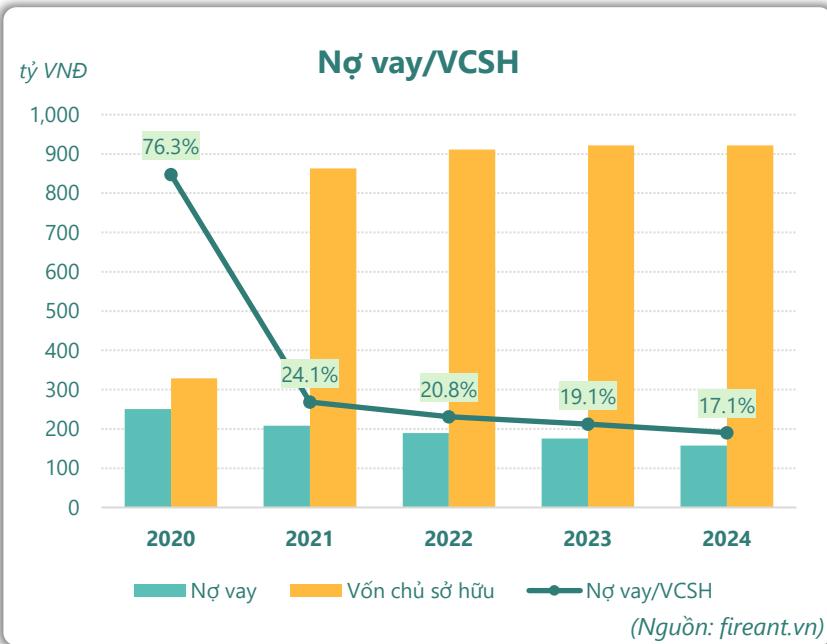
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.5	21.0	-45.3%	36.3	61.3	-40.7%
Giá vốn hàng bán	12.1	11.2	7.6%	38.2	32.0	19.4%
Lợi nhuận gộp	-0.57	9.75	-106%	-1.86	29.3	-106%
Doanh thu HĐTC	6.51	0.00		19.9	0.34	5682%
Chi phí TC	3.30	3.65	-9.7%	10.3	11.4	-9.6%
Chi phí lãi vay	3.30	3.65	-9.7%	10.3	11.4	-9.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.48	0.04	1097%	1.22	0.08	1472%
Chi phí QLDN	2.29	4.93	-53.5%	6.38	14.1	-54.8%
LN thuần từ HĐKD	-0.12	1.13	-110%	0.17	4.07	-95.7%
Lợi nhuận khác	-2.06	0.00		-6.06	-0.63	-863%
LN trước thuế	-2.18	1.13	-293%	-5.89	3.44	-271%
Lợi nhuận sau thuế	-2.18	0.12	-1916%	-5.89	0.30	-2048%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.18	0.12	-1916%	-5.89	0.25	-2466%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.49	12.1	36.2	11.6	-18.5	2.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.96	-2.78	-35.3	-3.87	25.7	3.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.44	-4.44	-4.44	-5.56	-5.56	-5.86
Tiền đầu kỳ	4.74	0.77	5.68	2.19	4.35	6.02
Lưu chuyển tiền thuần	-3.97	4.91	-3.49	2.16	1.67	-0.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.77	5.68	2.19	4.35	6.02	5.90

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,067	1,088	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	35.5	19.7	80.4%
Tiền và tương đương tiền	5.92	2.19	170%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.21	0	
Phải thu ngắn hạn	15.5	6.06	156%
Hàng tồn kho	0.93	3.49	-73.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.88	7.91	-25.7%
Tài sản dài hạn	1,032	1,068	-3.4%
Phải thu dài hạn	144	156	-7.7%
Tài sản cố định	673	691	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0.35	298%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	22.8	30.5	-25.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	152	166	-8.7%
Nợ ngắn hạn	25.1	17.1	47.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	8.94	61.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.05	0.74	175%
Nợ dài hạn	127	149	-15.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	127	149	-15.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	915	921	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	915	921	-0.7%
Vốn điều lệ	842	842	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

